TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỦ LÝ** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2019/HS-ST
Ngày 22 - 8 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ- TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Chi.
2. Bà Trần Thị Hoa.

- Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Xuân Lập – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Vũ Bá Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 108/2019/TLHS-HS ngày 26 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Trần Văn H, sinh năm 1968 tại Hà Nam; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 0/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn G và bà Nguyễn Thị L; vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1970, con: có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 29/9/2011, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Hà Nam xử phạt 33 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay; Có mặt.

2. Trần Đức H1, sinh năm 1971 tại Hà Nam; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 02/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị L; vợ: Vũ Thị S, sinh năm 1973, con: có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án: Ngày 16/6/2016, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Hà Nam xử phạt 33 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng"; tiền sự: Ngày 17/9/2018 Công an thành phố P xử phạt vi phạm hành chính 1.750.000đ về hành vi "Đánh nhau"; nhân thân: Ngày 16/4/2006 Công an thành phố P xử phạt vi phạm hành chính 100.000đ về hành vi

"Trộm cắp tài sản". Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10/6/2019 và chuyển tạm giam từ ngày 13/6/2019 đến nay; Có mặt.

*** Người bào chữa cho các bị cáo Trần Văn H và Trần Đức H:** Ông Phạm Đại V - Trợ giúp viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Nam; Có mặt.

*** Bị hại:** Anh Nguyễn Duy H2, sinh năm 1982; Trú tại: Số nhà 268 đường N, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

- Anh Trần Ngọc L, sinh năm 1982; Trú tại: Tổ dân phố Đ, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam; Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1947; Trú tại: Tổ dân phố Đ, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có ý định đi trộm cắp tài sản từ trước nên khoảng 03 giờ 30 phút ngày 05/4/2019 Trần Văn H đi bộ đến nhà Trần Đức H1 và đứng ngoài đường nói vào "Bạn ơi vào đây giúp tớ tí việc", H1 đồng ý đi theo H. Trên đường đi H nhặt ở vệ đường 01 bao nilon màu xanh và đi vào lối ngõ nhà anh Nguyễn Duy H2 ở cùng thôn không có người ở nhà, H nói với H1 "bạn đứng ở đây", H1 hiểu ý H là đứng cảnh giới để H vào trộm cắp tài sản nhà anh H2 nên đồng ý. H mang theo vỏ bao nilon nhặt được trước đó trèo qua bờ tường vào bên trong nhà anh H2, tiến đến cửa sổ phía trước nhà dùng tay đẩy gãy chấn song cửa sổ đã bị mối mọt rồi chui qua cửa sổ vào trong nhà. H bật bóng điện, quan sát thấy tại bàn thờ kê ở gian giữa nhà có 01 chiếc đỉnh hương thờ bằng kim loại màu vàng, 02 chiếc chân nến thờ bằng kim loại màu vàng, 02 con hạc thờ bằng kim loại màu vàng nên lấy bỏ vào vỏ bao nilon rồi tắt điện, chui qua cửa sổ rồi trèo qua bờ tường ra ngoài đường thì không thấy H1 đâu. H nghe thấy tiếng hô "Trộm, trộm" nên H bê chiếc bao đựng đồ vật vừa trộm cắp được chạy về căn nhà hoang sát cạnh nhà chị Lê Thị H3 cất giấu rồi đi về nhà. Về phía H1, khi đứng cảnh giới được khoảng 10 – 15 phút do trời đã rạng sáng, chó sủa nhiều, người dân xung quanh đi tập thể dục, sợ bị phát hiện nên H1 bỏ về nhà trước.

Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, anh H2 cùng mẹ là bà Nguyễn Thị T về nhà phát hiện mất các tài sản trên thì anh H2 gọi điện thoại cho anh Trần Ngọc L thông báo về việc bị mất trộm và nhờ L tìm lại tài sản đã bị mất trộm đồng thời đến Công an thành phố P trình báo sự việc. Sau đó anh L điện thoại cho H1 nhờ tìm tài sản của anh H2 bị mất trộm thì H1 nói với anh L tìm H, xem H lấy trộm để ở đâu thì bảo H đem trả. Sau đó anh L đến gặp H thì H thừa nhận việc lấy trộm tài sản của anh H2 và đang cất giấu tại ngôi nhà hoang và nhờ anh L ra lấy

đem trả cho anh H2. Khoảng 19 giờ cùng ngày anh L mang toàn bộ số tài sản trên trả lại cho anh H2.

Ngày 18/4/2019, Cơ quan CSĐT – Công an thành phố P ra yêu cầu định giá tài sản số 54, yêu cầu Hội đồng định giá tài sản thành phố P định giá: 01 chiếc đỉnh hương thờ bằng kim loại màu vàng, 02 chiếc chân nến thờ bằng kim loại màu vàng, 02 con hạc thờ bằng kim loại màu vàng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 36/2019 ngày 26/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản thành phố P, kết luận: 01 chiếc đỉnh hương thờ bằng kim loại màu vàng, đã qua sử dụng giá 3.000.000đ; 02 chiếc chân nến thờ bằng kim loại màu vàng, đã qua sử dụng giá 1.500.000đ; 02 con hạc thờ bằng kim loại màu vàng, đã qua sử dụng giá 1.500.000đ. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 6.000.000đ.

Ngày 22 và 23/4/2019 Trần Văn H và Trần Đức H1 đã đến Công an thành phố P đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 113/CT-VKS-PL ngày 25/7/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Hà Nam truy tố Trần Văn H và Trần Đức H1 về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (Sau đây viết tắt là: Bộ luật Hình sự).

* Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P trình bày luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như đã nêu trong bản cáo trạng, không thay đổi, bổ sung gì thêm. Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 (đối với Trần Đức H2); Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn H từ 12 đến 15 tháng tù, Trần Đức H1 từ 15 đến 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Duy H2 đã nhận lại toàn bộ tài sản và không có yêu cầu về việc bồi thường trách nhiệm dân sự nên không xem xét.

- Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Người bào chữa có quan điểm: Nhất trí với tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ và hoàn cảnh cụ thể của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt cho phù hợp. Cụ thể: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả trả lại tài sản cho bị hại; quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo; sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã ra đầu thú; bị cáo H thuộc hộ cận nghèo lại hay ốm đau bệnh tật phải đi viện điều

trị; bị cáo H1 thuộc diện người khuyết tật và có bố mẹ đẻ đều được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến. Do đó các bị cáo Trần Văn H và Trần Đức H1 đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt cho các bị cáo Trần Văn H và Trần Đức H1, mỗi bị cáo là 12 tháng tù. Vì các bị cáo là lao động tự do, không có công ăn việc làm ổn định, điều kiện hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với người tham gia tố tụng là bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của họ, được cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

[3] Về tội danh: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa phù hợp biên bản ghi nhận hiện trường, sơ đồ hiện trường, kết luận định giá tài sản, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ của vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 05/4/2019, Trần Văn H với sự trợ giúp cảnh giới của Trần Đức H1 đã đột nhập vào nhà anh Nguyễn Duy H2 ở tổ dân phố Đ, phường T, thành phố P lén lút, chiếm đoạt 01 chiếc đỉnh hương thờ bằng kim loại màu vàng, 02 chiếc chân nến thờ bằng kim loại màu vàng, 02 con hạc thờ bằng kim loại màu vàng, tổng trị giá 6.000.000đ. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

Đây là vụ án có đồng phạm, tuy nhiên xét ở dạng đồng phạm có tính chất giản đơn. Trần Văn H là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên giữ vai trò thứ nhất. Trần Đức H1 là người cảnh giới cho H thực hiện hành vi phạm tội nên đồng phạm với vai trò giúp sức trong vụ án.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về nhân thân: Các bị cáo là người có nhân thân xấu.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo H không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Bị cáo H1 ngày 16/6/2016 đã bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Hà Nam xử phạt 33 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng", đến nay chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng "Tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã tự nguyện trả lại tài sản khắc phục hậu quả; các bị cáo sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã ra đầu thú; bị hại có đơn xin không truy tố đối với các bị cáo; bị cáo H thuộc hộ cận nghèo; bị cáo H1 thuộc diện người khuyết tật lại có bố mẹ đẻ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến. Do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt chính, hình phạt bổ sung:

- Hình phạt chính: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mà còn làm ảnh hưởng rất xấu đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn TP P, gây tâm lý hoang mang, lo lắng và bức xúc trong nhân dân đối với việc quản lý tài sản, làm xã hội mất ổn định. Vì vậy, việc xét xử nghiêm minh hành vi phạm tội này là cần thiết, với mức hình phạt tương xứng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội các bị cáo đã thực hiện. Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo và nâng cao hiệu quả công cuộc đấu tranh, phòng chống tội phạm.

- Hình phạt bổ sung: Các bị cáo là lao động tự do, không có công việc và thu nhập ổn định, bị cáo H thuộc hộ cận nghèo, bị cáo H1 thuộc diện người tàn tật nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Duy H2 và bà Nguyễn Thị T đã nhận lại toàn bộ tài sản và không có yêu cầu về việc bồi thường trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xử lý vật chứng: Đối với chiếc vỏ bao nilon màu xanh Trần Văn H đã sử dụng để đựng tài sản trộm cắp, Cơ quan CSĐT – Công an thành phố P đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 (đối với Trần Đức H); Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Căn cứ Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên bố các bị cáo Trần Văn H và Trần Đức H1 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

[2] Xử phạt các bị cáo:

+ Trần Văn H 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú hết hiệu lực đến khi bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

+ Trần Đức H1 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/6/2019.

[3] Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Trần Văn H và Trần Đức H1, mỗi bị cáo phải nộp: 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)*.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- CQCSĐT CA thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQĐVA;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai Oanh